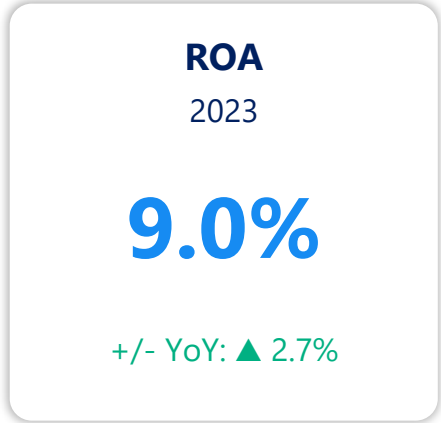
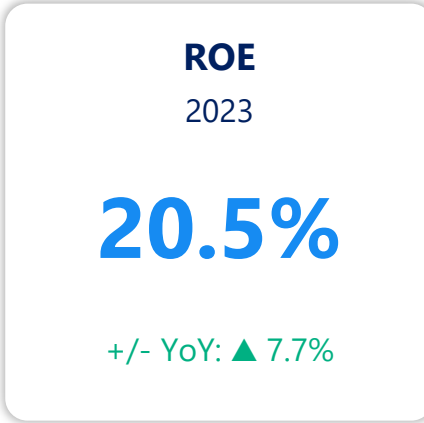
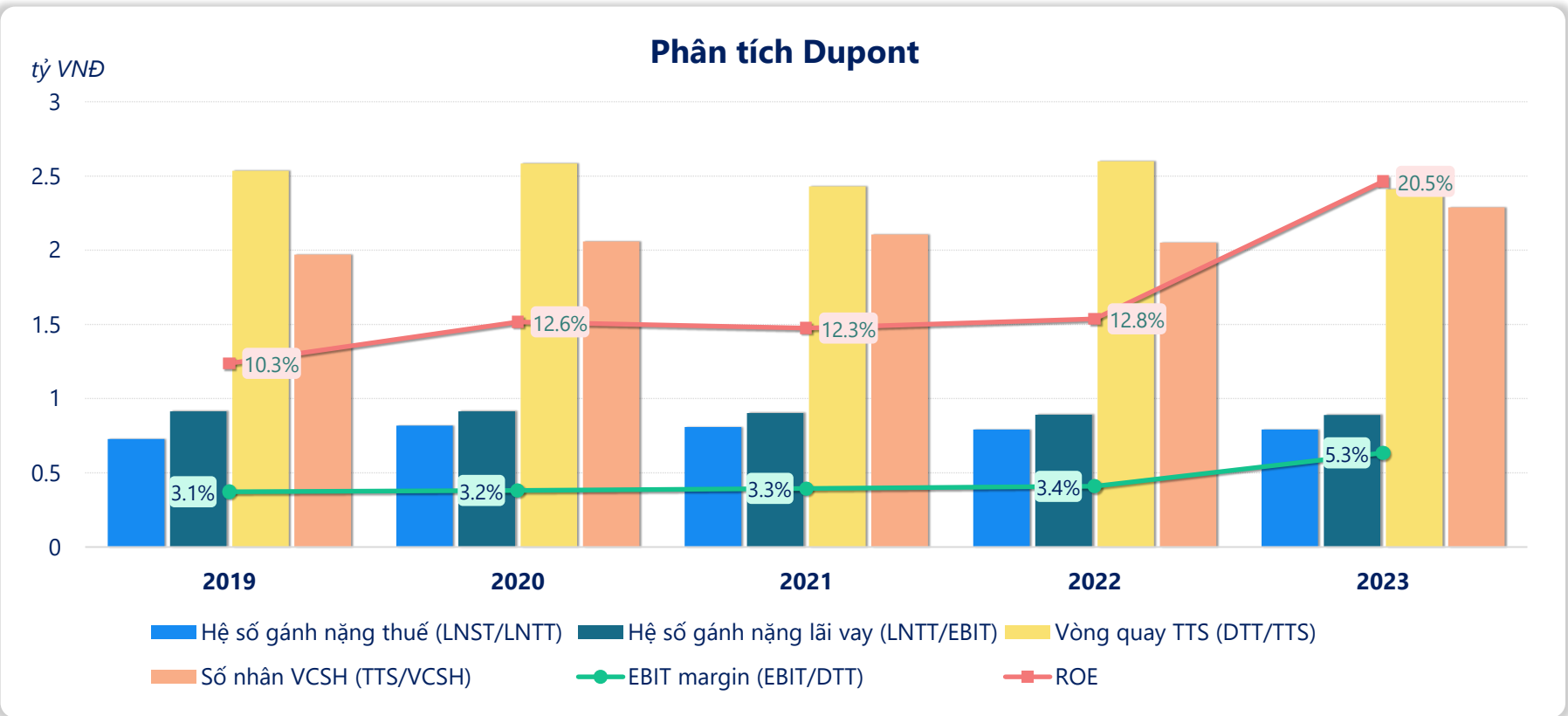
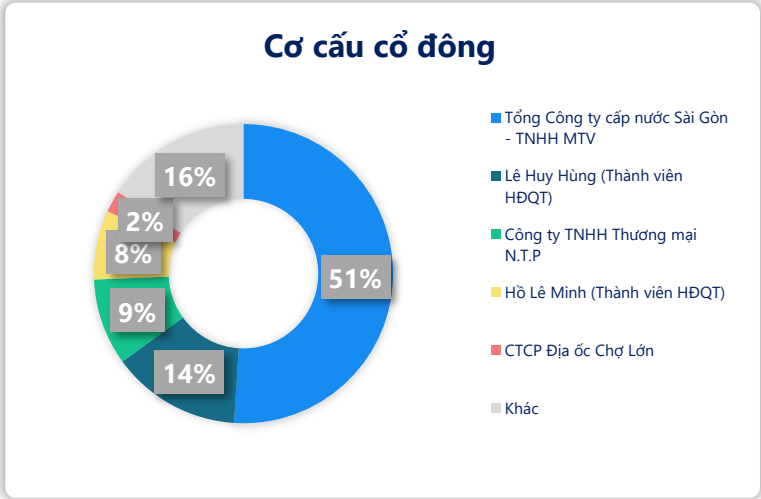


CTCP Cấp nước Chợ Lớn (HSX: CLW)

Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tố chính.

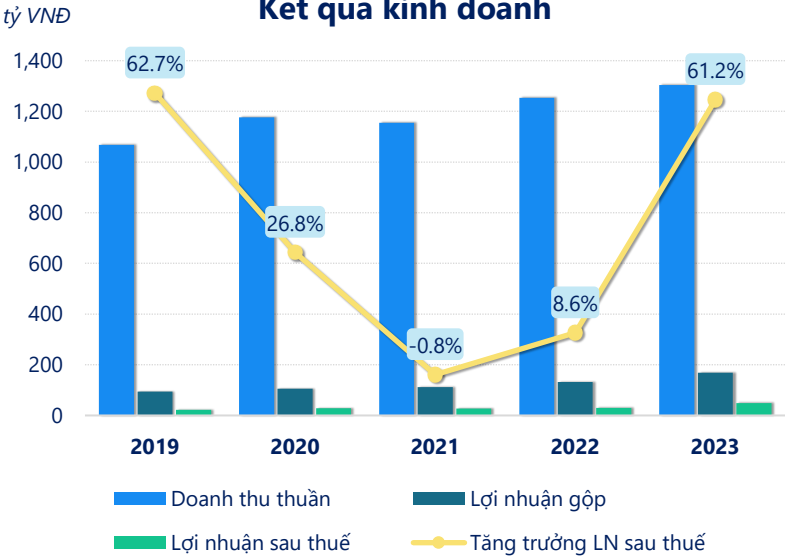
Thông tin giao dịch		29/12/2023
Giá hiện tại (VNĐ)		34,650
Sàn giao dịch		HSX
Khoảng giá 52 tuần		19,846 - 45,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		450
Số lượng CPLH (CP)		13,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		135
Sở hữu nước ngoài		4.8%
Beta		0.11
EPS		3,581
P/E		9.7

	YTD	1T	3T	6T
CLW	51.7%	-6.4%	-0.1%	10.0%
VNINDEX	8.2%	0.8%	1.4%	0.3%



CTCP Cấp nước Chợ Lớn (HSX: CLW)

Kết quả kinh doanh

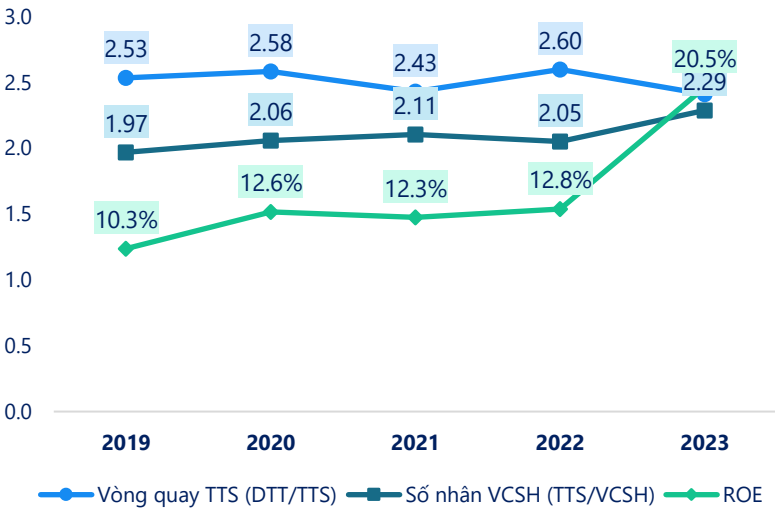


Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) **tăng lên** đạt **5.29%**, cho thấy sự cải thiện trong hiệu suất hoạt động và khả năng sinh lợi nhuận.

Hệ số gánh nặng thuế bằng **0.79**, **giảm** so với năm trước phản ánh một phần lợi nhuận sau thuế đã bị giảm bớt bởi các khoản thuế.

Hệ số gánh nặng lãi vay là **0.89**, **thấp hơn** so với năm trước là dấu hiệu cho thấy chi phí lãi vay đang tăng nhanh hơn so với lợi nhuận trước thuế.

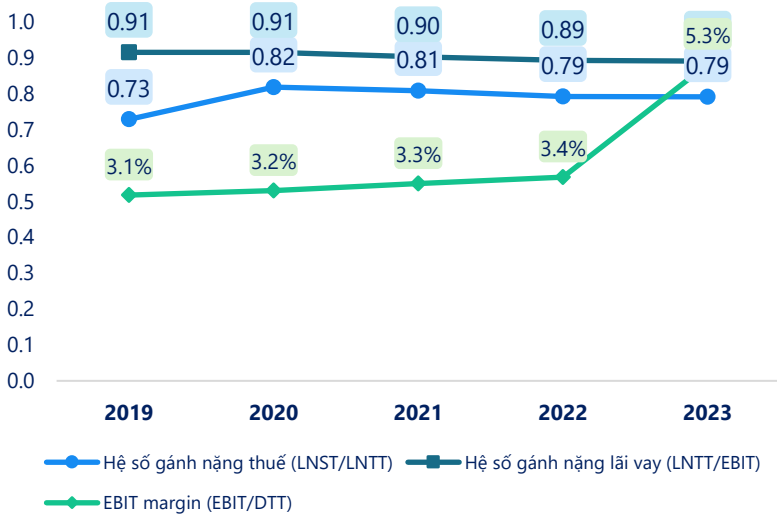
Vòng quay tài sản và ROE



Năm **2023**, **CLW** ghi nhận doanh thu thuần **1,304** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **48.56** tỷ đồng, lần lượt **tăng 4.09%** và **tăng 61.2%** so với năm trước.

Hoạt động kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, cùng với **ROE** khá tốt là **20.5%** cho thấy công ty đang phát triển và có hiệu quả hoạt động ổn định.

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

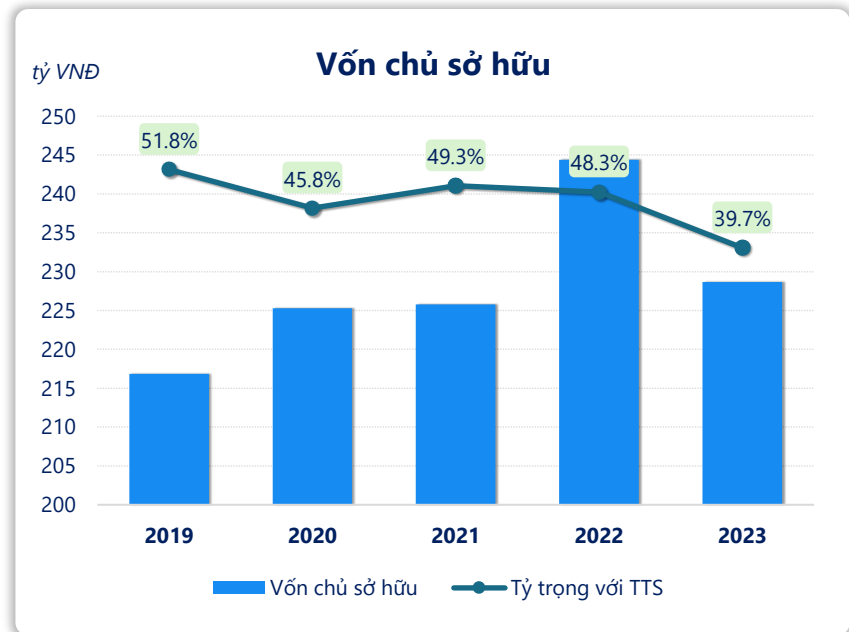
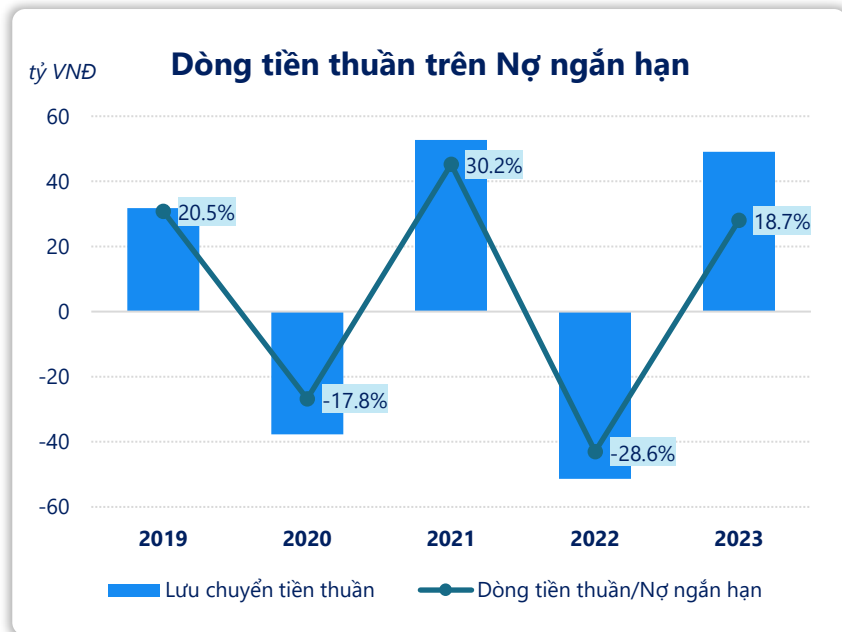
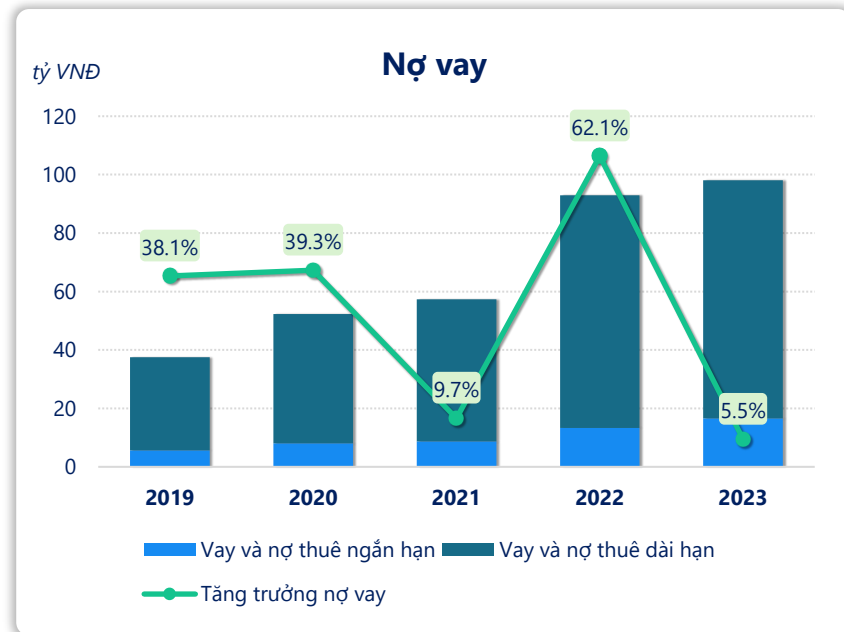
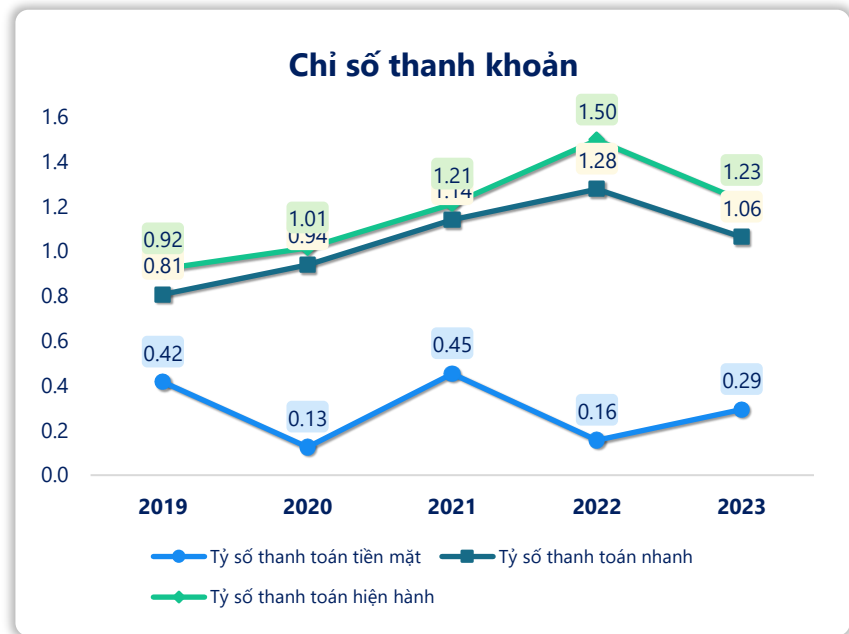
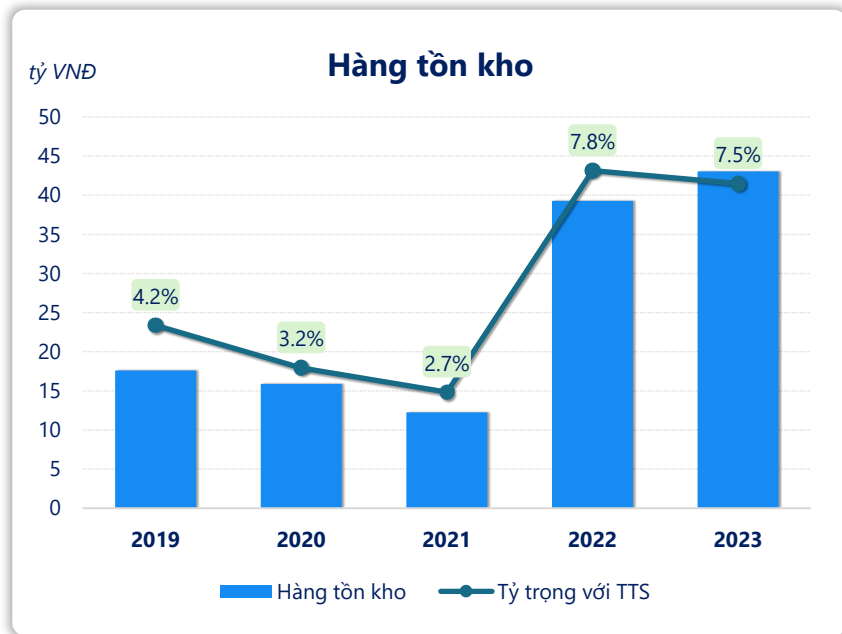
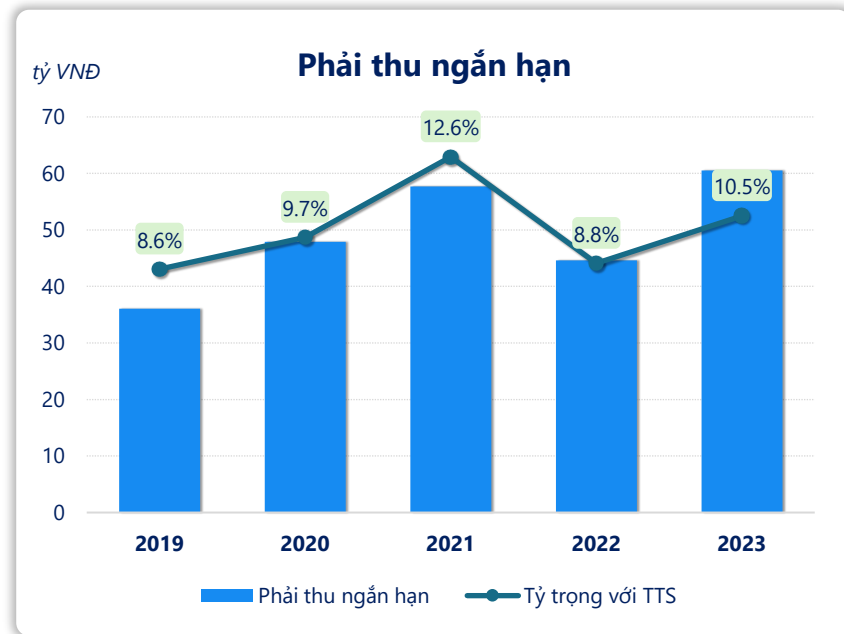


Vòng quay tổng tài sản đạt **2.41**, **giảm** so với năm trước thường phản ánh sự không hiệu quả trong quản lý và sử dụng tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu **tăng lên** đến **2.29** cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH cao hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.

CTCP Cấp nước Chợ Lớn (HSX: CLW)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	574	506	13.5%
Tài sản ngắn hạn	320	268	19.4%
Tiền và tương đương tiền	77.0	27.9	176%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	135	154	-12.5%
Phải thu ngắn hạn	60.5	44.6	35.7%
Hàng tồn kho	42.7	39.3	8.7%
Tài sản ngắn hạn khác	5.54	2.52	120%
Tài sản dài hạn	254	238	6.8%
Phải thu dài hạn	0.33	0.33	0.0%
Tài sản cố định	239	205	16.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.61	4.36	5.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản dài hạn khác	9.65	27.6	-65.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	342	262	30.8%
Nợ ngắn hạn	257	179	43.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	16.6	13.3	24.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	141	96.1	47.1%
Nợ dài hạn	84.9	82.4	3.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	81.5	79.6	2.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	232	244	-5.0%
Vốn chủ sở hữu	232	244	-5.0%
Vốn điều lệ	130	130	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	1,067	1,177	1,154	1,253	1,304
Giá vốn hàng bán	973	1,071	1,042	1,121	1,136
Lợi nhuận gộp	94.3	105	112	132	169
Doanh thu HĐTC	4.76	6.32	5.45	6.81	13.4
Chi phí TC	2.83	3.21	3.71	4.61	7.57
Chi phí lãi vay	2.83	3.21	3.71	4.61	7.57
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	20.8	24.9	32.6	32.9	36.8
Chi phí QLDN	44.0	49.4	50.8	65.9	74.8
LN thuần từ HĐKD	31.5	34.1	30.5	35.4	62.8
Lợi nhuận khác	-1.19	0.10	3.84	2.68	-1.36
LN trước thuế	30.3	34.2	34.3	38.1	61.4
Lợi nhuận sau thuế	22.1	28.0	27.7	30.1	48.6
LNST của CĐ cty mẹ	22.1	28.0	27.7	30.1	48.6

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	36.3	87.2	30.3	81.2	106
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.58	-126	32.9	-153	-41.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.05	1.13	-10.4	20.1	-15.8
Tiền đầu kỳ	32.5	64.2	26.5	79.2	27.9
Lưu chuyển tiền thuần	31.7	-37.7	52.8	-51.3	49.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	64.2	26.5	79.2	27.9	77.0